MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

LÊ MINH TRANG
Trường Đại học Hải Phòng

Nhận bài ngày 02/3/2025. Sửa chữa xong 07/3/2025. Duyệt đăng 11/3/2025.

Abstract

The article is devoted to enhancing the effectiveness of English vocabulary acquisition for non-English major students at Hai Phong University, particularly in economics. Given the challenges that these students face, such as limited exposure to specialized vocabulary and a lack of practical application, the study evaluates different pedagogical approaches to improve learning outcomes. The article examines methods including communicative language teaching, contextual learning, and the use of technology in vocabulary instruction. The findings suggest that a combination of interactive teaching strategies and real-world applications significantly enhances students' retention and comprehension of economic terms. The study provides recommendations for educators to implement more effective vocabulary teaching techniques, ultimately improving students' English proficiency in their specialized field.

Keywords: *English for Specific Purposes ,vocabulary, teaching methods, non-English major students, vocabulary acquisition, economic terminology.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế đóng vai trò quan trọng đối với sinh viên (SV) các trường đại học. Từ vựng không chỉ giúp SV tiếp cận tài liệu học thuật mà còn là công cụ hỗ trợ trong công việc sau này. Tuy nhiên, thực trạng học từ vựng của SV hiện nay còn nhiều hạn chế, đòi hỏi các phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn để nâng cao khả năng tiếp thu và ứng dụng từ vựng. Việc học từ vựng chuyên ngành Kinh tế không chỉ dừng lại ở ghi nhớ nghĩa của từ mà còn cần có khả năng vận dụng linh hoạt vào giao tiếp, viết luận và nghiên cứu. Để làm được điều này, SV cần áp dụng các phương pháp học tập khoa học, tận dụng công nghệ hiện đại và có môi trường thực hành phù hợp. Bài viết này sẽ đề xuất một số phương pháp giúp SV nâng cao hiệu quả học từ vựng chuyên ngành Kinh tế của SV không chuyên ngữ Trường Đại học Hải Phòng, từ đó cải thiện khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập và công việc tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số trở ngại của sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Hải Phòng với việc học từ vựng chuyên ngành Kinh tế

Việc học từ vựng chuyên ngành Kinh tế là một thách thức đối với nhiều SV, đặc biệt là những SV không có nền tảng tiếng Anh vững chắc. Những khó khăn này có thể xuất phát từ đặc thù của ngành học, phương pháp tiếp cận chưa phù hợp, hoặc sự hạn chế trong môi trường thực hành. Dưới đây là một số trở ngại phổ biến mà SV thường gặp phải.

2.1.1. Khối lượng từ vựng lớn và đa dạng

Kinh tế là một lĩnh vực rộng lớn với nhiều chuyên ngành khác nhau như tài chính, kế toán, ngân hàng, marketing, quản trị kinh doanh, thương mại quốc tế... Mỗi chuyên ngành lại có hệ thống thuật

Email: tranglm@dhhp.edu.vn

ngữ riêng, đòi hỏi SV phải học một lượng lớn từ vựng để có thể hiểu và sử dụng thành thạo. Ngoài ra, các thuật ngữ này thường có nhiều từ đồng nghĩa hoặc cách diễn đạt khác nhau, khiến việc ghi nhớ và sử dụng chính xác trở nên khó khăn [3]. Ví dụ: Trong tài chính, SV cần hiểu các thuật ngữ như "liquidity" (tính thanh khoản), "equity" (vốn chủ sở hữu), "derivatives" (chứng khoán phái sinh). Trong marketing, SV cần nắm vững "brand awareness" (nhận diện thương hiệu), "consumer behavior" (hành vi người tiêu dùng), "market segmentation" (phân khúc thị trường). Một số thuật ngữ mang nghĩa rộng và thay đổi tùy vào ngữ cảnh khiến SV khó xác định cách sử dụng chính xác. Ví dụ: "Moral hazard" (rủi ro đạo đức) không chỉ có nghĩa là nguy cơ liên quan đến đạo đức mà còn chỉ tình trạng một cá nhân hoặc tổ chức có xu hướng chấp nhận rủi ro cao hơn khi không phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hậu quả.

2.1.2. Khó khăn trong việc ghi nhớ và ứng dụng từ vựng

Một trong những khó khăn lớn mà SV gặp phải trong việc ghi nhớ và ứng dụng từ vựng là chưa sử dụng những phương pháp học tập hiệu quả. Nhiều SV chỉ học từ vựng theo cách truyền thống, tức là đọc và lặp lại một cách thụ động, dẫn đến việc nhanh quên và không thể vận dụng linh hoạt khi giao tiếp hoặc viết [5],[10]. Trong khi đó, các phương pháp hiện đại như spaced repetition (lặp lại ngắt quãng) có thể giúp SV củng cố từ vựng một cách bền vững bằng cách ôn tập từ theo chu kỳ khoa học, giúp trí nhớ duy trì thông tin lâu hơn[3], [7]. Ngoài ra, flashcards cũng là một công cụ hữu ích giúp họ ghi nhớ từ vựng một cách trực quan và dễ dàng hơn nhờ hình ảnh, ví dụ minh họa và sự kết nối giữa các khái niệm. Tuy nhiên, do chưa tiếp cận hoặc chưa có thói quen áp dụng những phương pháp này, nhiều SV vẫn gặp khó khăn trong việc ghi nhớ và sử dụng từ vựng một cách hiệu quả trong thực tế.

2.1.3. Sự khác biệt giữa tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh thông thường

Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế có những đặc điểm riêng biệt so với tiếng Anh giao tiếp thông thường, chủ yếu thể hiện qua cách sử dụng từ vựng và cấu trúc câu [6]. Đặc trưng của tiếng Anh chuyên ngành là sử dụng từ vựng mang tính học thuật cao, trang trọng hơn so với ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày. Ngoài ra, nhiều cụm từ chuyên ngành có cấu trúc phức tạp và ít khi xuất hiện trong hội thoại thông thường, đòi hỏi người học phải có sự am hiểu về lĩnh vực kinh tế. Bên cạnh đó, cách diễn đạt trong các tài liệu học thuật, báo cáo tài chính hay bài báo kinh tế cũng có sự khác biệt rõ rệt so với ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày. Ví dụ: Câu giao tiếp thông thường: "The company makes more money." Câu chuyên ngành: "The company's revenue has experienced a significant upward trend due to market expansion." Sự khác biệt này khiến SV dễ bị nhầm lẫn và cảm thấy khó khăn khi chuyển từ tiếng Anh giao tiếp sang tiếng Anh học thuật.

2.1.4. Thiếu môi trường thực hành và ứng dụng

Việc học từ vựng sẽ kém hiệu quả nếu SV không có cơ hội tiếp xúc với ngôn ngữ trong thực tế. Để ghi nhớ và sử dụng từ vựng một cách linh hoạt, SV cần thực hành thường xuyên thông qua nghe, nói, đọc và viết. Việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi người học phải được tiếp nhận 'input' ngôn ngữ phù hợp với trình độ và trong môi trường giao tiếp tự nhiên, điều này đặc biệt quan trọng khi học từ vựng chuyên ngành [2]. Tuy nhiên, nhiều SV gặp phải tình trạng thiếu môi trường để giao tiếp bằng tiếng Anh chuyên ngành, dẫn đến việc ít có cơ hội thực hành các từ vựng đã học. Bên cạnh đó, họ cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu gốc bằng tiếng Anh, khiến việc mở rộng vốn từ vựng trở nên hạn chế. Do không được rèn luyện trong bối cảnh thực tế, SV dễ rơi vào tình trạng học từ vựng một cách thụ động. Họ có thể nhận diện nghĩa của từ khi đọc tài liệu hoặc nghe bài giảng, nhưng lại gặp khó khăn trong việc vận dụng khi viết hoặc giao tiếp. Điều này khiến khả năng sử dụng ngôn ngữ của SV không được phát triển một cách toàn diện, đặc biệt là trong các tình huống giao tiếp chuyên ngành yêu cầu sự chính xác và linh hoạt

2.1.5. Khó khăn trong việc tiếp cận tài liệu học tập chất lượng

Một trong những trở ngại lớn đối với SV khi học từ vựng chuyên ngành là không phải lúc nào cũng có sẵn tài liệu học tập phù hợp. Đặc biệt, đối với các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, SV thường

gặp khó khăn trong việc tiếp cận và hiểu nội dung do các văn bản này có tính học thuật cao, sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn phức tạp và cách diễn đạt mang tính nghiên cứu.

Bên cạnh đó, nguồn tài liệu miễn phí trên mạng thường khá hạn chế, không đảm bảo độ chính xác hoặc không đầy đủ, trong khi nhiều tài liệu chất lượng cao lại yêu cầu trả phí, vượt quá khả năng tài chính của họ. Điều này khiến cho quá trình tự học trở nên khó khăn và thiếu sự định hướng rõ ràng.

2.2. Một số phương pháp nâng cao hiệu quả học từ vựng chuyên ngành Kinh tế

2.2.1. Phương pháp Ngữ pháp - Dịch (Grammar-Translation Method)

Phương pháp Ngữ pháp - Dịch (Grammar-Translation Method) là một phương pháp dạy và học ngoại ngữ truyền thống[8]. Phương pháp Ngữ pháp - Dịch có đặc điểm nổi bật là tập trung vào việc giảng dạy ngữ pháp một cách chi tiết, giúp SV nắm vững các quy tắc ngữ pháp và cách áp dụng chúng vào câu. Ngữ pháp được giảng dạy thông qua việc phân tích cú pháp, chia động từ, danh từ, thì và cấu trúc câu. Ngoài ra, SV được cung cấp một lượng từ vựng liên quan dưới dạng bảng liệt kê kèm theo nghĩa bằng tiếng Việt để giúp SV hiểu và dịch được nội dung bài. Sau đó, giảng viên sẽ cho SV các bài tập có chứa từ vựng chuyên ngành đó để SV có thể luyện tập giúp cho việc ghi nhớ từ vựng đạt hiệu quả cao hơn. Phương pháp Ngữ pháp - Dịch có những ưu điểm nhất định trong việc giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là giúp SV có nền tảng ngữ pháp và từ vựng vững chắc. Nhờ vào phương pháp này, SV có thể đọc hiểu tốt các bài khóa và tài liệu chuyên ngành Kinh tế, giúp họ tiếp cận kiến thức chuyên môn một cách hiệu quả [4]. Ngoài ra, phương pháp này cũng dễ triển khai trong lớp học có số lượng SV đông, vì giảng viên không cần sử dụng thiết bị hiện đại mà vẫn có thể giảng dạy theo giáo trình và bài tập ngữ pháp truyền thống. Tuy nhiên, phương pháp Ngữ pháp - Dịch cũng tồn tại một số nhược điểm. Do không tập trung vào kỹ năng nghe và nói, SV có thể gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp trong thực tế, đặc biệt là trong môi trường làm việc đòi hỏi sự linh hoạt về ngôn ngữ. Hơn nữa, cách học dựa trên dịch thuật và quy tắc ngữ pháp thường khô khan, thiếu tính tương tác, khiến SV không có nhiều động lực học tập. Bên cạnh đó, phương pháp này không phù hợp với những SV có phong cách học trực quan, thích học qua giao tiếp hoặc trải nghiệm thực tế. Họ có thể cảm thấy phương pháp này không hiệu quả, dẫn đến giảm khả năng tiếp thu kiến thức.

2.2.2. Phương pháp Nghe - Nói (Audiolingual Method)

Phương pháp Nghe - Nói (Audiolingual Method - ALM) là một phương pháp giảng dạy ngoại ngữ tập trung chủ yếu vào kỹ năng nghe và nói trước khi học đọc và viết[8]. SV được rèn luyện khả năng phản xạ ngôn ngữ một cách tự nhiên thông qua việc nghe các mẫu câu chuẩn và lặp lại nhiều lần để ghi nhớ. Phương pháp này nhấn mạnh vào việc bắt chước và lặp lại có kiểm soát giúp SV phát âm chính xác và sử dụng câu đúng ngữ pháp trong ngữ cảnh thực tế. Giảng viên sẽ cung cấp cho SV những đoạn hội thoại trong môi trường làm việc có sử dụng tiếng anh chuyên ngành Kinh tế để SV luyện tập theo. Một trong những lợi ích lớn nhất của phương pháp này là giúp SV hình thành phản xạ nhanh khi giao tiếp, nhờ vào việc luyện tập liên tục với các mẫu câu có sẵn [9]. Ngoài ra, phương pháp này cũng giúp họ phát âm chính xác từ vựng và cải thiện ngữ điệu, giúp họ nói tiếng Anh tự nhiên hơn, gần giống như người bản ngữ. Tuy nhiên, phương pháp Audiolingual cũng có những hạn chế nhất định. Do tập trung vào việc học theo mẫu câu có sẵn, SV dễ bị lệ thuộc vào các cấu trúc cố định thay vì phát triển khả năng tự diễn đạt. Họ có xu hướng học thuộc lòng và lặp lại các mẫu câu, dẫn đến việc không rèn luyện được tư duy ngôn ngữ một cách linh hoạt. Bên cạnh đó, phương pháp này chủ yếu tập trung vào hai kỹ năng nghe và nói, trong khi kỹ năng viết và đọc hiểu lại bị bỏ qua. Điều này có thể gây khó khăn cho SV khi cần tiếp cận và xử lý các tài liệu học thuật hoặc soạn thảo văn bản trong môi trường chuyên nghiệp.

2.2.3. Phương pháp Giao tiếp (Communicative Approach)

Phương pháp Giao tiếp (Communicative Approach) là một trong những phương pháp giảng dạy hiện đại, giúp SV phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả[8]. Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp này là giúp SV tự tin hơn khi giao tiếp và cải thiện phản xạ ngôn ngữ. Thay vì chỉ học ngữ pháp một cách thụ động, SV được khuyến khích sử dụng tiếng Anh

trong các tình huống thực tế, từ đó tăng khả năng ứng dụng ngôn ngữ vào đời sống. Ngoài ra, môi trường học tập có tính tương tác cao giúp SV có động lực học tập tốt hơn, vì họ được tham gia vào nhiều hoạt động như thảo luận nhóm, đóng vai, và trò chơi ngôn ngữ. Điều này không chỉ giúp rèn luyện kỹ năng giao tiếp mà còn tạo sự hứng thú, giúp họ duy trì sự tập trung và yêu thích việc học ngôn ngữ. Đặc biệt, phương pháp này giúp SV sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, không bị bó buộc vào các mẫu câu cố định, từ đó tăng khả năng diễn đạt tự nhiên và phù hợp với từng tình huống thực tế.

Tuy nhiên, phương pháp Giao tiếp cũng tồn tại một số nhược điểm nhất định. Trước hết, phương pháp này yêu cầu môi trường lớp học có sự tương tác cao, nếu SV thụ động hoặc lớp học quá đông, hiệu quả sẽ giảm đáng kể. Khi có quá nhiều SV trong một lớp, giảng viên khó có thể quản lý và đảm bảo tất cả đều có cơ hội thực hành giao tiếp. Hơn nữa, phương pháp này có thể gây khó khăn cho những SV không có nền tảng ngôn ngữ cơ bản, vì họ có thể cảm thấy lúng túng khi phải giao tiếp ngay từ đầu mà chưa được trang bị đầy đủ kiến thức. Ngoài ra, những SV nhút nhát hoặc chưa quen với phương pháp học chủ động có thể gặp áp lực khi phải giao tiếp liên tục trước đám đông. Điều này có thể khiến họ cảm thấy mất tự tin và e ngại trong quá trình học tập.

2.2.4. Ứng dụng công nghệ vào học từ vựng

Giảng viên có thể hướng dẫn SV sử dụng nhiều ứng dụng và nền tảng để giúp các em nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình. Các công cụ như Quizlet và Anki giúp tạo thẻ ghi nhớ từ vựng, hỗ trợ việc ghi nhớ hiệu quả [10]. Để cải thiện kỹ năng nghe, SV có thể sử dụng BBC Learning English và TED Talks để tiếp cận các bài giảng chuyên ngành Kinh tế bằng tiếng Anh [1],[11]. Bên cạnh đó, các ứng dụng như Duolingo và Memrise cung cấp các trò chơi giúp nhận diện và sử dụng từ vựng một cách linh hoạt [10]. Ngoài ra, Cambridge dictionary và Oxford Learner's Dictionary là những công cụ hữu ích giúp tra cứu nghĩa từ và phát âm chính xác [3]. Không chỉ dừng lại ở các ứng dụng, SV còn có thể tham gia các khóa học trực tuyến hoặc tham gia các diễn đàn chuyên ngành Kinh tế bằng tiếng Anh để mở rộng vốn từ vựng và phát triển kỹ năng ngôn ngữ toàn diện [9].

3. Kết luận

Việc nâng cao hiệu quả học từ vựng chuyên ngành Kinh tế đòi hỏi sự kết hợp linh hoạt giữa nhiều phương pháp. SV cần chủ động trong việc học tập, áp dụng từ vựng vào thực tiễn và tận dụng công nghệ để hỗ trợ quá trình học. Việc cải thiện vốn từ không chỉ giúp SV đạt kết quả tốt trong học tập mà còn mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp trong tương lai đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Brown, H. D. (2007), *Principles of Language Learning and Teaching (Nguyên tắc học và giảng dạy ngôn ngữ),* Pearson Education.

[2] Krashen, S. (1982), *Principles and Practice in Second Language Acquisition (Nguyên tắc và thực tiễn trong việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai*), Pergamon.

[3] Nation, P. (2001), *Learning Vocabulary in Another Language (Học từ vựng trong một ngôn ngữ khác*), Cambridge University Press.

[4] Schmitt, N. (2010), *Researching Vocabulary: A Vocabulary Research Manual (Sổ tay nghiên cứu về từ vựng),* Palgrave Macmillan.

[5] Zimmerman, C. B. (2009), *Word Knowledge: A Vocabulary Teacher's Handbook (Sổ tay giảng dạy từ vựng),* Oxford University Press.

[6] Carter, R., & McCarthy, M. (1988), *Vocabulary and Language Teaching (Từ vựng và giảng dạy ngôn ngữ),* Longman.

[7] Laufer, B. (1997), *The lexical plight in second language reading: Words you don't know, words you think you know, and words you can't guess (Khó khăn về từ vựng trong việc đọc ngôn ngữ thứ hai: Những từ bạn không biết, những từ bạn nghĩ rằng mình biết, và những từ bạn không thể đoán được),* Cambridge University Press.

[8] Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching (Các cách tiếp cận và phương pháp trong giảng dạy ngôn ngữ)*, Cambridge University Press.

[9] Ellis, R. (2008), The Study of Second Language Acquisition *(Nghiên cứu về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)*, Oxford University Press.

[10] Thornbury, S. (2002), *How to Teach Vocabulary (Cách giảng dạy từ vựng)*, Pearson Education.

[11] Đinh Thị Bé, Đào Thùy Chi (2019), *Phương pháp dạy học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực,* Tạp chí Giáo dục, số 461 kì I tháng 9.